



## RESULTS SUMMARY

Rank	Name	NOC	
1	葉芷余	KHC	高雄市
2	孫薇	NTPC	新北市
3	韋如玉	KLC	基隆市
4	陳佳琳	KHC	高雄市
5	蔡佩綺	TNC	臺南市
6	隋昀瑾	NTPC	新北市
7	鄭蘭君	HLH	花蓮縣
8	李昀靜	TCC	臺中市
9	王媛昕	TYC	桃園市
10	劉芯妘	HCH	新竹縣
11	林依健	HCC	新竹市
12	杜詩葦	HCC	新竹市
13	王芯柔	TYC	桃園市
14	林承慧	TPC	臺北市
15	劉詩翎	HCH	新竹縣
16	黃子菱	TCC	臺中市
17	潘明佳	TPC	臺北市
18	沈慈雲	KLC	基隆市
19	林美玲	HLH	花蓮縣
20	林安嫻	TNC	臺南市
21	衛中瑩	CHH	彰化縣
22	石宜仙	CIH	嘉義縣
23	張育琳	YLH	雲林縣
24	莊千慧	CIH	嘉義縣
25	梁羽彤	PTH	屏東縣
26	陳孟妘	NTH	南投縣
27	林佩雯	ELH	宜蘭縣
28	林欣穎	TTH	臺東縣

